

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

*

Số 505 -CV/HU

V/v Xây dựng báo cáo tổng kết 15 năm
thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày
16/6/2008 của Bộ Chính trị về xây dựng và
phát triển văn học, nghệ thuật

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Thực hiện Công văn số 750-CV/BTGTU, ngày 15/12/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về xây dựng báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*”; **Thường trực Huyện ủy yêu cầu:**

Ủy ban nhân dân huyện tham mưu xây dựng dự thảo Báo cáo của Ban Thường vụ Huyện ủy sơ kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X); (theo Đề cương báo cáo). Gửi về Thường trực Huyện ủy (qua Ban Tuyên giáo Huyện ủy) **trước ngày 10/02/2023** để tổng hợp báo cáo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu VP.HU.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHIÁNH VĂN PHÒNG



Phan Thị Cẩm

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh quốc tế, trong nước và quá trình tổ chức thực hiện

Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X

I- Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến quá trình phát triển văn học, nghệ thuật của tỉnh

Đánh giá bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị, những yếu tố tác động đến quá trình phát triển văn học, nghệ thuật qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, như: Tác động của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ lần thứ 4; sự cạnh tranh giữa các nước lớn, xung đột giữa Nga và Ucraina; thiên tai, dịch bệnh (đặc biệt là đại dịch Covid-19); những ảnh hưởng từ mặt trái của kinh tế thị trường, môi trường văn hóa-xã hội, môi trường không gian mạng, quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa, ... Làm rõ những thuận lợi, khó khăn, thách thức.

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Công tác tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết

Đánh giá quá trình hướng dẫn, tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của các cấp, các ngành. Chỉ rõ phương thức, tiến độ triển khai; thống kê số lượng các hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết, thành phần tham gia; hiệu quả của các hội nghị quán triệt Nghị quyết.

2. Công tác tuyên truyền Nghị quyết

Chỉ rõ những hình thức tuyên truyền Nghị quyết được sử dụng và đánh giá hiệu quả của các hình thức đó.

3. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

3.1. Đánh giá thực trạng ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết của các cấp, các ngành; việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết thành các quy định cụ thể để thực hiện thống nhất trong Đảng và trong xã hội.

3.2. Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các Đề án thực hiện Nghị quyết theo Kế hoạch số 73-KH/BTGTW ngày 09/3/2009 của Ban Tuyên giáo Trung ương; chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành và đang áp dụng trong thực tiễn (hiệu quả xã hội của các đề án) hoặc chưa hoàn thành (chưa thực hiện).

3.3. Đánh giá công tác chỉ đạo sơ, tổng kết Nghị quyết qua các giai đoạn. Việc gắn kết các nội dung của nghị quyết với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của cả nhiệm kỳ Đại hội (gắn với các Chương trình hành động).

PHẦN THỨ HAI

Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học qua 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)

I. Thành tựu

1. Trong lĩnh vực sáng tạo

- Dòng mạch chính trong sáng tạo VHNT là “Chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc” vẫn tiếp tục theo những khuynh hướng nào?

- Bên cạnh dòng mạch chính là “chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc”, sáng tạo VHNT có những chuyển biến mới gì đáng lưu ý? (đánh giá các khuynh hướng sáng tạo văn học, nghệ thuật thời gian qua; thể hiện qua đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thể nghiệm trong các tác phẩm).

- Vấn đề tự do trong sáng tạo VHNT hiện nay?

- Kết quả của công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản VHNT các dân tộc?

- Đánh giá về sự phát triển lực lượng nhà văn, nghệ sĩ sau 15 năm Nghị quyết số 23-NQ/TW đi vào cuộc sống.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả xã hội của các hoạt động sáng tạo trên từng lĩnh vực cụ thể như văn học, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, kiến trúc, văn nghệ dân gian, văn nghệ các dân tộc thiểu số ...(có số liệu minh chứng cụ thể).

2. Trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển lý luận, phê bình VHNT

2.1. Đánh giá thực trạng công tác nghiên cứu, phát triển lý luận VHNT trong 15 năm qua, nói rõ những kết quả đạt được trên các mặt:

- Nhận thức, nghiên cứu gì mới: Lý luận đã gắn với thực tiễn và lý giải một cách thấu đáo các vấn đề của đời sống sáng tác chưa? Tính định hướng, dẫn đường và tác dụng của lý luận đối với đời sống sáng tác như thế nào?

- Tình hình nghiên cứu và phát huy vai trò, giá trị của lý luận mác-xít ở địa phương?

- Đánh giá tình hình tiếp thu, vận dụng lý luận văn học, nghệ thuật nước ngoài vào địa phương.

2.2. Đánh giá thực trạng công tác phê bình VHNT trong 15 năm qua, nói rõ những kết quả trên các mặt:

- Thực hiện chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với sáng tác.

- Vấn đề xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tác phẩm.
- Chất lượng khoa học của các tác phẩm phê bình.
- Tính chuyên nghiệp trong phê bình.
- Vấn đề văn hóa phê bình hiện nay.

2.3. Đánh giá đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình từ khi có Nghị quyết số 23-NQ/TW.

3. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ

- Đánh giá chương trình và kết quả đào tạo của các ngành VIINT ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.
- Đánh giá thực trạng cử các tài năng văn học, nghệ thuật- nhất là các tài năng trẻ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; việc lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn học, nghệ thuật; hiệu quả của các chính sách trọng dụng nhân tài về văn học, nghệ thuật.

4. Công tác củng cố, đổi mới hoạt động của hội văn học, nghệ thuật

- Đánh giá thực trạng mô hình tổ chức và hoạt động của hội văn học, nghệ thuật và các chi hội cơ sở. Làm rõ vai trò của ban thường vụ, ban chấp hành, người đứng đầu của hội và các chi hội trong công tác tập hợp, phát triển hội viên, phát huy tiềm năng sáng tạo và bảo vệ các quyền lợi của hội viên.
- Đánh giá công tác phối hợp giữa hội văn học, nghệ thuật tỉnh với các cơ quan Đảng và Nhà nước trong việc tư vấn, phản biện xã hội về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của hội.
- Đánh giá hiệu quả của các phương thức huy động nguồn lực cho hoạt động của hội; hiệu quả của các cơ chế, chính sách, chế tài của Nhà nước trong việc đặt hàng, tổ chức sản xuất, xuất bản, công diễn, trình chiếu, triển lãm, tặng giải thưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

5. Công tác giao lưu và hợp tác quốc tế về văn học, nghệ thuật.

- Làm rõ thực trạng công tác giới thiệu, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật của tỉnh ra trong nước và thế giới, khu vực; sự giao lưu, tương tác, lan tỏa về văn học, nghệ thuật giữa các địa phương với nhau; đánh giá hiệu quả của các phương thức giới thiệu, quảng bá và việc vận dụng thành quả của cuộc cách mạng khoa học công nghệ vào công việc này.
- Đánh giá quá trình tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học tiến bộ của nước ngoài; quá trình phổ biến những kinh nghiệm tốt trong xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật của các nước trên thế giới; những giải pháp đã thực hiện góp phần ngăn ngừa sự xâm nhập của các sản phẩm phản văn hóa, phi thẩm mỹ trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật vào Lâm Đồng.

- Đánh giá quá trình tham gia các diễn đàn quốc tế quan trọng về văn học, nghệ thuật; việc thực hiện các công ước, hiệp định quốc tế về bản quyền, quyền tác giả, quyền liên quan trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật (nếu có).

6. Công tác xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật quần chúng

- Đánh giá thực trạng các hoạt động văn học, nghệ thuật quần chúng; hiệu quả của các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm văn hóa, các câu lạc bộ văn nghệ quần chúng; mạng lưới thư viện,...

*** Đánh giá chung**

- Đánh giá chung những thành tựu đạt được và nguyên nhân làm nên thành tựu:

+ Sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học, nghệ thuật

- Đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với việc nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn học, nghệ thuật đối với cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, cán bộ trực tiếp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

- Cấp ủy đảng các cấp có những giải pháp gì để phát huy vai trò tích cực của văn học, nghệ thuật? Làm rõ cơ chế lãnh đạo, quản lý, định hướng chính trị trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật?

+ Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật

- Đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; chế độ, chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật; đánh giá quá trình thực hiện xã hội hóa các hoạt động VIINT và hiệu quả của công tác này; chỉ rõ những lĩnh vực tập trung xã hội hóa, những lĩnh vực Nhà nước và Nhân dân cùng làm, những lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư.

- Đánh giá hiệu quả các đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

- Đánh giá hiệu quả của các công trình văn học, nghệ thuật trong 15 năm qua; tác động của quá trình sáp nhập đoàn nghệ thuật có chức năng, nhiệm vụ, loại hình tương đồng thành một đơn vị nghệ thuật.

- Đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, phát hành, truyền hình và các hội văn học, nghệ thuật trong việc quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

III. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

Từ thực trạng phát triển của văn học, nghệ thuật Việt Nam 15 năm qua, bên cạnh những kết quả đạt được, cần tập trung phân tích, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình tổ chức thực hiện, việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp được nêu trong Nghị quyết (những hạn chế trong sáng tạo, biểu diễn, đào tạo, nghiên cứu lý luận, phê bình, quảng bá văn học, nghệ thuật; hạn chế trong công tác phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ, nhất là những tài năng trẻ; hạn chế trong hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật; những bất cập, hạn chế trong quá trình sáp nhập các đoàn nghệ thuật có chức năng tương đồng; những bất cập, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật...).

Phân tích, đánh giá những hạn chế đã được chỉ ra trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa, văn học, nghệ thuật; các kết luận của lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, như: Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn, tầm cỡ, phản ánh được tầm vóc của sự nghiệp đổi mới, có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng đất nước, xây dựng con người... Trên cơ sở đó, xác định rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

2. Nguyên nhân

III. Một số bài học kinh nghiệm

PHẦN THỨ BA

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục phát triển văn học, nghệ thuật thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

I. Dự báo tình hình

Tập trung nhận định những diễn biến mới đáng lưu ý những năm gần đây và ảnh hưởng của tình hình đó đối với sự phát triển của văn học, nghệ thuật trong thời gian tới; dự báo những xu hướng phát triển của văn học, nghệ thuật Việt Nam.

II. Phương hướng

Chỉ rõ những phương hướng nhằm tiếp tục phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; chú trọng những định hướng mang tính chủ đạo đã được chỉ ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI; Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 nhằm xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

Từ quá trình phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ rõ những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, tập trung nghiên cứu những giải pháp mang tính chất đột phá ở từng giai đoạn, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với những nội dung liên quan đến sự phát triển của văn học, nghệ thuật được nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 24/11/2021).

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị với Trung ương.
2. Đề xuất, kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC 1
Một số văn bản ban hành lĩnh vực Văn học-Nghệ thuật
(Từ năm 2008 đến năm 2022).

1. Văn bản của Tỉnh ủy
2. Văn bản của UBND Tỉnh
3. Văn bản của đơn vị

PHỤ LỤC 2
Những công trình, đề án trên lĩnh vực Văn học-Nghệ thuật

STT	Tên công trình, đề án	Kết quả triển khai thực hiện	Ghi chú

PHỤ LỤC 3
Thống kê Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh

STT	Giải thưởng Nhà nước	Giải thưởng Hồ Chí Minh	Ghi chú

PHỤ LỤC 4
Thống kê số lượng hội viên
(Hội VHNT tỉnh, các chi hội chuyên ngành Trung ương và địa phương)

Năm	Số lượng	HV là đảng viên	HV Đạt các danh hiệu				Hội viên là DTTS
			NSND	NSUT	Nghệ nhân ND	Nghệ nhân ưu tú	
2008....							
2022							

*Ghi chú: Thống kê theo từng năm (từ 2008 đến 2022)

PHỤ LỤC 5
Kết quả triển khai thực hiện các Đề án
(Theo Kế hoạch số 73-KH/BTGTW, ngày 09/3/2009)

STT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện	Kết quả
III.Đề án trình Tỉnh ủy,UBND tỉnh			

PHỤ LỤC 6
Những mô hình hay, cách làm sáng tạo trong thực hiện
Nghị quyết 23-NQ/TW

STT	Tên mô hình	Cách thức thực hiện	Hiệu quả

PHỤ LỤC 7
Kinh phí đầu tư trong lĩnh vực VHNT
(từ năm 2008-2023)

Năm	Nội dung đầu tư	Kinh phí	Ghi chú